

VÀI NÉT VỀ THỰC TRẠNG VIỆC LÀM THEO THỜI VỤ CỦA THANH NIÊN NÔNG THÔN TẠI CÁC THÀNH PHỐ

ThS. Mai Văn Hải

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Thanh niên nông thôn ra các thành phố lớn tìm kiếm việc làm, dù họ không có trình độ tay nghề cao, đang là một xu hướng khá phổ biến hiện nay. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, lý do chính thúc đẩy thanh niên nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm là để nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình. Tuy nhiên, khi ra thành phố tìm kiếm công việc, thanh niên nông thôn phải đương đầu với không ít khó khăn từ điều kiện ăn ở, đến công việc vất vả, nguy hiểm và họ luôn bày tỏ mong muốn được làm việc, phát triển kinh tế trên chính quê hương mình.

Từ khóa: Thanh niên nông thôn; di cư; việc làm; ra thành phố làm việc.

Ngày nhận bài: 14/3/2012; Ngày duyệt đăng bài: 20/8/2012.

1. Đặt vấn đề

Trong cuốn “Niên giám thống kê 2010” do Tổng cục Thống kê phát hành năm 2010, cả nước có 9,7 triệu người di cư nội tỉnh và liên tỉnh. Thanh niên nông thôn ra thành phố tìm kiếm những việc làm thời vụ, tạm thời bên cạnh những mặt tích cực (tạo thêm thu nhập, việc làm cho người lao động, điều chỉnh lại mức độ chênh lệch về thu nhập giữa nông thôn và thành phố, cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường dịch vụ đa dạng tại các đô thị...) cũng gây ra những mặt tiêu cực, tác động không nhỏ tới cuộc sống ở đô thị như an ninh trật tự, sức ép dân số, chất lượng cuộc sống nói chung. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng việc làm theo thời vụ của thanh niên nông thôn là rất cần thiết nhằm có những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho thanh niên nông thôn có thể lập thân, lập nghiệp một cách tốt nhất.

Khách thể nghiên cứu được lựa chọn là 650 thanh niên nông thôn, độ tuổi từ 16 đến 30. Địa bàn nghiên cứu thuộc 4 tỉnh Thái Bình, Hòa Bình, Khánh Hòa và Tiền Giang. Đây là các tỉnh đại diện cho các vùng miền Bắc - Trung - Nam; đồng bằng - trung du miền núi - ven biển.

Để tìm hiểu thực trạng việc làm theo thời vụ của thanh niên nông thôn tại các thành phố, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu: điều tra bằng bảng hỏi với thanh niên nông thôn; phỏng vấn sâu với cán bộ chính quyền, đoàn thể tại địa bàn nghiên cứu; thu thập, tìm hiểu các tài liệu về tình hình di dân ra thành phố tìm kiếm việc làm để có thông tin phục vụ cho kết quả nghiên cứu.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Động cơ ra thành phố làm việc của thanh niên nông thôn

Để tìm hiểu lý do di cư ra thành phố của thanh niên nông thôn, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: “Theo bạn, lý do vì sao hiện nay có nhiều thanh niên nông thôn ra các thành phố lớn tìm kiếm việc làm dù họ không có trình độ, tay nghề cao?”. Bảng số liệu tổng hợp từ câu hỏi này như sau:

Bảng 1: Lý do thanh niên nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm (%)

TT	Các lý do	Giới tính		Địa bàn				Chung
		Nam	Nữ	Thái Bình	Hòa Bình	Tiến Giang	Khánh Hòa	
1	Ở quê không tìm được việc làm	62,6	60,8	48,8	65,7	80,0	54,2	61,9
2	Công việc ở thành phố được trả công cao hơn	62,3	73,8	72,0	64,0	65,8	62,9	65,5
3	Muốn được mở mang tầm nhìn	49,2	57,7	53,3	55,4	42,5	54,9	51,5
4	Ở quê buồn chán vì mọi người đi làm ăn xa	22,3	27,1	21,3	20,6	25,8	40,2	25,7
5	Muốn được khẳng định bản thân	20,6	29,2	32,9	22,3	17,5	22,7	23,0
6	Ra thành phố làm việc lúc nông nhàn	45,5	53,8	28,0	70,3	29,2	46,3	48,0
7	Đi theo bạn bè cho vui	19,3	17,7	24,4	15,4	22,5	14,7	18,8
8	Ở thành phố nhiều dịch vụ, giải trí	27,7	20,6	16,0	18,9	33,3	20,7	22,6
9	Không thi đỗ cao đẳng, đại học ra thành phố cho đỡ áp lực	29,6	39,2	29,3	30,9	34,2	35,4	32,3

Số liệu từ bảng trên phản ánh lý do thúc đẩy mạnh mẽ nhất khiến thanh niên nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm là công việc ở thành phố được

trả công cao hơn, với 65,5% số lượng khách thể được hỏi lựa chọn. Thực tế cuộc sống của thanh niên nói riêng và người nông dân ở các vùng nông thôn nói chung cho thấy, nếu chỉ trông cậy vào nguồn thu nhập từ đồng ruộng thì rất khó để người dân có thể đảm bảo cuộc sống của mình. Một người nông dân trung bình có khoảng một sào ruộng. Với một sào ruộng đó, họ có thể canh tác hai vụ lúa trong năm và mỗi vụ nếu thời tiết đảm bảo (không bị bão lụt, hạn hán, sâu bệnh...) thì người nông dân có thể thu về khoảng 300 - 400 kg thóc. Từ tổng thu này, người nông dân có thể bán thóc và thu về khoảng 2 triệu đồng cho mỗi vụ sản xuất. Đó là còn chưa tính tới những chi phí khác cho quá trình sản xuất như phân bón, giống, thuốc trừ sâu, thuê nhân công lúc vào vụ thu hoạch, thuê cây bừa... Tác giả Nguyễn Quang Thiều cho rằng, trung bình thu nhập của người nông dân khoảng 40.000 đồng/tháng. Có thể nói, đây là một thực tế và chính vì thế, lý do thu nhập từ công việc làm thuê ở thành phố được trả công cao hơn làm nông nghiệp khiến thanh niên nông thôn ra đi cư ra thành phố làm việc là hoàn toàn hợp lý.

Lý do có tỷ lệ lựa chọn cao thứ hai là vì ở quê không tìm được việc làm với 61,9% số người được hỏi. Bên cạnh lý do thu nhập quá thấp như ở trên, thì lý do không tìm được việc làm của thanh niên nông thôn khiến họ phải ra thành phố tìm kiếm việc làm cho thấy, bức tranh có phần kém tươi sáng về cuộc sống và công việc của thanh niên tại địa bàn sinh sống. Cũng chính vì lý do này mà có tới 48% số khách thể lựa chọn phương án tranh thủ lúc nông nhàn ra thành phố làm việc, đến mùa vụ lại quay về nhà.

Trao đổi với chúng tôi về vấn đề thanh niên nông thôn ra thành phố làm việc, một cán bộ đoàn tại Quỳnh Phụ, Thái Bình cho rằng: *Xu hướng di cư ra thành phố tuy có những tác động tiêu cực nhưng vẫn tạo điều kiện để thanh niên nông thôn có thêm thu nhập. Họ sẽ làm việc một số năm ở các thành phố khi có vốn rồi thì lại tiếp tục làm ăn ở nhà, có tiền sửa nhà cửa, chăm sóc con cái, bố mẹ già... Độ tuổi chủ yếu di cư ra thành phố nằm trong khoảng 20 - 45. Ở các làng quê bây giờ chủ yếu là người già và trẻ con* (Phó bí thư huyện đoàn Quỳnh Phụ, Thái Bình). Những thông tin nói trên cung cấp cái nhìn đầy đủ hơn về thực trạng di dân ra thành phố của thanh niên nông thôn.

Trong số các lý do thanh niên nông thôn ra thành phố làm việc, lý do "muốn được mở mang tầm nhìn" có tỷ lệ lựa chọn khá cao (51,5%). Rõ ràng, đây là lý do có nội dung khác hẳn những nội dung trên. Có thể điều đó xuất phát từ đặc thù tâm lý của thanh niên, thích hướng tới những điều mới mẻ, năng động... khiến họ muốn ra thành phố tìm việc làm.

So sánh các lý do khiến thanh niên nông thôn ra thành phố làm việc có thể thấy sự khác biệt rõ nét ở nhóm địa bàn nghiên cứu ở một số nội dung. Ví dụ, lý do "ở quê không tìm được việc làm" có tới 80% khách thể trên địa bàn

Tiến Giang lựa chọn trong khi Thái Bình 48,8%; “*công việc ở thành phố được trả công cao hơn*”: Thái Bình: 72,0, Khánh Hòa: 62,9; “*ra thành phố làm việc lúc nông nhàn*”: Hòa Bình: 70,3, Thái Bình: 28,0.

Để có thể lý giải sự khác biệt rõ nét về tỷ lệ lựa chọn nói trên phải xuất phát từ chính đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Địa bàn huyện Cai Lậy (Tiến Giang) nơi tiến hành khảo sát có ít các khu công nghiệp và không có nghề truyền thống (như lời của một cán bộ xã đoàn Long Khánh, huyện Cai Lậy), trong khi đó, huyện Quỳnh Phụ (Thái Bình) là địa bàn có nhiều ngành nghề truyền thống. Một cán bộ đoàn ở huyện Quỳnh Phụ trực tiếp làm việc với chúng tôi đã cho biết: Nghề truyền thống tương đối nhiều: làm chiếu cói ở xã An Tràng, An Vũ, làm bún bánh đa ở Đông Hải, An Mỹ, làm gỗ ở xã An Đông... Một số công ty (Sao Vàng, Hoàng Anh...) hàng năm thu hút khoảng 2000 lao động trên địa bàn. Sự khác biệt về ngành nghề truyền thống cũng như các doanh nghiệp thu hút lao động trên hai địa bàn nói trên dẫn đến tỷ lệ lựa chọn lý do không tìm được việc làm ở quê cũng khác nhau rất rõ nét.

Đối với lý do ra thành phố làm việc lúc nông nhàn, thanh niên được hỏi tại Hòa Bình có tỷ lệ lựa chọn cao nhất (70,3%) và thanh niên được hỏi tại Thái Bình có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất (28%) cũng xuất phát từ đặc điểm: Huyện Cao Phong (Hòa Bình) nơi địa bàn tiến hành nghiên cứu canh tác rất nhiều mía đường và cam, vì thế cần nhiều nhân lực lúc thu hoạch...

Có thể nói, sự khác biệt nói trên cho thấy, trong chính sách đối với thanh niên nông thôn cần phải tính đến đặc thù của từng vùng miền nhằm phát huy tốt nhất lợi thế kinh tế xã hội của địa phương và tạo sự thuận lợi cho thanh niên trong lập thân, lập nghiệp.

2.2. Thực trạng công việc và những khó khăn thanh niên nông thôn gặp phải khi ra thành phố làm việc

Để tìm hiểu thực trạng công việc của thanh niên nông thôn tại các thành phố, chúng tôi đưa ra câu hỏi: “*Khi ra thành phố làm việc, công việc mà thanh niên nông thôn thường làm là gì?*”. Kết quả từ câu trả lời của các khách thể như sau:

Bảng 2: Công việc thanh niên nông thôn thường làm tại các thành phố

STT	Công việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Xe ôm	23	5,1
2	Phu hồ	220	48,6
3	Bán hàng rong	33	7,3
4	Bốc vác, chuyển đồ đạc, hàng hóa	196	43,3
5	Thu mua đồng nát	19	4,2

6	Ai thuê gì thì làm	190	41,9
7	Bán nước, trà đá	41	9,1
8	Bảo vệ	148	32,7
9	Bán hàng, phục vụ tại các cửa hàng, nhà hàng	241	53,2
10	Bán vé số	148	32,7
11	Các công việc khác	88	19,8

Kết quả từ việc tìm hiểu công việc thanh niên nông thôn thường làm tại các thành phố cho thấy, các công việc thường được làm nhiều nhất là bán hàng, phục vụ tại các cửa hàng; phụ hồ tại các công trường xây dựng; bốc vác, chuyển đồ đạc, hàng hóa và ai thuê gì thì làm. Những công việc nói trên đều là các công việc đơn giản, sử dụng sức lao động trực tiếp và hầu như không phải đào tạo, không cần nguồn vốn ban đầu. Thực tế đó nêu lên sự cần thiết phải đào tạo nghề cũng như trang bị cho người thanh niên nông thôn những kiến thức, kỹ năng cần thiết để ứng phó, hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro, tai nạn có thể xảy ra trong quá trình làm việc.

Bảng 3: Những khó khăn, rủi ro thanh niên nông thôn gặp phải trong quá trình làm việc

STT	Các nội dung	ĐTB	Xếp hạng
1	Công việc nặng nhọc, vất vả	2,57	1
2	Nhà cửa, điều kiện ăn ở chật hẹp, tối tăm, mất vệ sinh	2,43	3
3	Dễ bị tai nạn; bắt nạt; cướp hàng, tiền	2,34	6
4	Thu nhập bấp bênh, không đảm bảo	2,48	2
5	Các mối quan hệ xã hội bị thu hẹp	2,09	13
6	Điều kiện chăm sóc sức khỏe không có	2,24	10
7	Không có cơ hội vươn lên về học vấn, sự nghiệp	2,25	9
8	Nhiều lo lắng, bất an, thách thức	2,30	8
9	Bị coi thường, hắt hủi	1,98	14
10	Thiếu thốn tình cảm gia đình, làng xóm	2,31	7
11	Thiếu kỹ năng ứng phó với khó khăn, rủi ro	2,12	12
12	Dễ sa vào tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm...)	2,39	4
13	Có cơ hội kiếm tiền nhiều	2,14	11
14	Thiếu lao động ở quê do thanh niên chủ yếu đi làm ăn xa	2,38	5

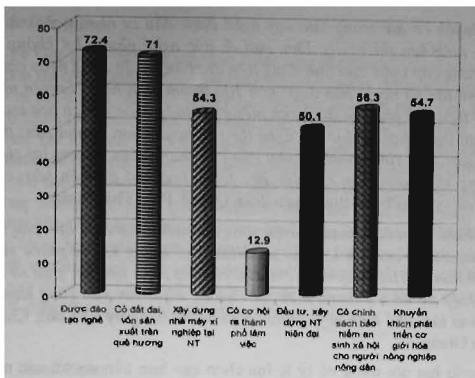
Đây là câu hỏi có các mức độ lựa chọn nên số liệu được xử lý theo các mức độ lựa chọn: rất đúng - 3 điểm, đúng một phần - 2 điểm và không đúng 1 điểm. Trên cơ sở đó, số liệu được chia thành các mức đánh giá: không đúng - từ 1,0 - 1,66 điểm; đúng một phần: 1,67 - 2,33 và rất đúng: 2,34 - 3,0. Bảng số liệu trên chỉ ra các phương án đều có ĐTB khá cao trong đó có 6 phương án nằm trong khoảng đánh giá "rất đúng" (từ 2,34 - 3,00) và 8 phương án nằm trong khoảng đánh giá "đúng một phần" (từ 1,67 - 2,33), không có điểm số đánh giá nào nằm trong khoảng "không đúng". Kết quả đó nói lên cuộc sống và công việc của thanh niên nông thôn khi ra thành phố gặp nhiều khó khăn, bấp bênh.

Trong số các phương án đưa ra, công việc nặng nhọc là phương án được các khách thể lựa chọn nhiều nhất (ĐTB = 2,57, xếp vị trí số 1). Với các công việc như đã đề cập ở trên thì sự vất vả, nặng nhọc là điều không tránh khỏi. Cũng vì đặc thù lao động như vậy nên thu nhập của họ cũng mang tính bấp bênh, không đảm bảo (ĐTB = 2,48, xếp vị trí số 2). Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) phối hợp với hai cục Thống kê Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu về nghèo đói thị năm 2010 chỉ ra, có đến hơn 3/4 số lao động di cư làm công việc lao động thủ công, thợ lắp ráp vận hành máy và lao động giản đơn; 1/4 còn lại chủ yếu làm nhân viên dịch vụ và bán hàng. Mức thu nhập của người nghèo di cư lên thành phố chỉ khoảng 750.000 đồng/người/tháng ở Hà Nội và 841.000 đồng/người/tháng ở thành phố Hồ Chí Minh.

Xếp vị trí số 3 là phương án đề cập đến điều kiện nhà cửa, ăn ở của người lao động khi di cư ra thành phố (ĐTB = 2,43). Thanh niên nông thôn và người lao động từ các tỉnh khác đổ về thành phố thường phải sống trong các khu phòng trọ với các điều kiện ăn ở rất nhỏ hẹp, tồi tàn. Có thể nói, với người lao động, việc thuê một phòng nhỏ để sống đối với họ chỉ là để nhằm thỏa mãn những yêu cầu tối thiểu của cuộc sống. Điều họ mong muốn nhất là dành dụm được một số tiền nhất định để trang trải cho cuộc sống của bản thân và gia đình... Điều này đã được khẳng định rõ nét trong các lý do thúc đẩy thanh niên nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm dù ở thành phố có thể họ phải đương đầu với không ít những khó khăn, rủi ro.

2.3. Mong muốn nguyện vọng về công việc của thanh niên nông thôn

Từ thực trạng cuộc sống, công việc của thanh niên nông thôn như trên, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu về nguyện vọng của thanh niên nông thôn với câu hỏi "Bạn có mong muốn, nguyện vọng gì về học nghề và việc làm của mình?" Số liệu thu được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1: Nguyên vọng học nghề, việc làm của thanh niên

Từ biểu đồ trên có thể nhận xét: mong muốn lớn nhất của thanh niên nông thôn là “được đào tạo rèn luyện về kỹ năng nghề nghiệp” và “có vốn, đất đai để sản xuất, làm giàu trên chính quê hương mình”. Hai phương án đề cập đến nội dung này có tỷ lệ khách thể lựa chọn tương ứng là 72,4% và 71,0%.

Lao động nông nghiệp nông thôn từ bao đời nay luôn gắn liền với đất đai. Tuy nhiên, ở các vùng nông thôn hiện nay, diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp đã trở thành lực cản cho quá trình sinh sống của họ. Những vụ khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến đất đai trong thời gian gần đây minh chứng điều đó. Vì vậy, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và xuất phát từ chính thực tế cuộc sống và công việc của thanh niên nông thôn.

Trong khi ruộng đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, nhường chỗ cho các khu công nghiệp và các khu đô thị, thì yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp để có thể làm việc được tại các khu công nghiệp ngày càng lớn. Tuy nhiên, đối với thanh niên nông thôn dường như thiếu đi điều đó. Họ chưa được đào tạo nghề nghiệp một cách cơ bản cho nên khó có thể đáp ứng tốt các yêu cầu của công việc. Họ chỉ có thể làm những công việc thủ công đơn giản, không qua đào tạo... Vì thế, mong muốn được học tập, học nghề của họ là thực sự mạnh mẽ (72,4%). Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát tại địa bàn nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, việc đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn còn nhiều bất cập. Xin lấy một vài ý kiến trong quá trình phỏng vấn sâu làm minh chứng:

- Huyện có hai trung tâm dạy nghề được đầu tư nhưng còn nhiều trở trăn, thanh niên kêu thiếu việc làm, mời đi học nghề nhưng lại không đi học. Trường Trung cấp nghề của tỉnh đóng trên địa bàn huyện càng ngày càng thiếu học sinh, về tận xã tuyển mới được hơn 100 thanh niên học. Nguyên nhân của tình trạng trên một phần là do thanh niên có tâm lý không thích học trung cấp, nhưng quan trọng hơn là đào tạo nghề theo kế hoạch hơn là nhu cầu: thời gian đào tạo ngắn, biết việc nhanh là nhu cầu của thanh niên, nhưng lại giáo trình nhiều trong khi thanh niên chủ yếu học lớp 9 hoặc bỏ túc văn hóa, cần phải dạy ngay vào việc (Phó bí thư huyện đoàn Quỳnh Phụ, Thái Bình).

- Thanh niên có tâm tư nguyện vọng muốn học nghề để làm phụ giúp gia đình, không muốn phải đi làm ăn xa. Nhưng số lượng không nhiều vì học ra không biết làm gì. Hiện nay cũng chưa có chương trình liên kết giữa xã đoàn và doanh nghiệp để hỗ trợ thanh niên, về chương trình vay vốn cũng không có vì họ còn chưa làm chủ kinh tế gia đình (Phó bí thư đảng ủy xã Long Khánh, Cai Lậy, Tiền Giang).

Ngoài hai nội dung có tỷ lệ lựa chọn cao hơn hẳn so với các nội dung còn lại kể trên, các nội dung liên quan đến phương hướng phát triển nông nghiệp nông thôn như “Đầu tư xây dựng nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại”, “Tạo thị trường lao động, nhà máy sản xuất ngay tại nông thôn”, “Có chính sách bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội cho người nông dân”... có tỷ lệ lựa chọn trên 50%. Các chính sách này đều gắn liền với cuộc sống của người nông dân nói chung và thanh niên nông thôn với tư cách là nguồn lao động chủ yếu ở nông thôn nói riêng. Khi thực hiện được những mục tiêu nói trên, người nông dân hoàn toàn có thể làm việc, phát triển cuộc sống của mình mà không cần phải bươn chải kiếm sống ở các thành phố lớn với điều kiện sống không đảm bảo. Nói cách khác, thanh niên nông thôn có thể thực hiện được ước mơ “ly nông bất ly hương” của họ. Đây đồng thời là cơ sở để giảm áp lực dân số, xã hội... lên các thành phố lớn. Thực tế hiện nay để có thể thu hút được nguồn lao động là thanh niên nông thôn đã có một số nhà máy xí nghiệp như may mặc, chế biến nông lâm sản chuyển cơ sở sản xuất về các vùng nông thôn và đã thu hút được một lượng lớn lao động là thanh niên tại chỗ làm việc bởi khi làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp này, thanh niên nông thôn không phải sống xa gia đình, thuê nhà cửa mà thu nhập vẫn đảm bảo. Có thể nói, đây là một hướng đi rất cần được quan tâm nghiên cứu và mở rộng hơn nữa.

Mong muốn được ra thành phố làm việc là nội dung có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất: 12,9%. Với thực trạng cuộc sống và công việc như chúng ta đã thấy ở trên thì có rất ít người mong muốn lên thành phố làm việc là điều dễ hiểu. Số liệu đó một lần nữa cho thấy, nếu như cuộc sống và công việc của thanh niên nông thôn được đảm bảo, họ hoàn toàn có thể yên tâm gắn bó lập thân lập nghiệp trên quê hương mình.

3. Kết luận

Từ việc phân tích vài nét thực trạng việc làm theo thời vụ của thanh niên nông thôn tại các thành phố, có thể thấy được những lý do quan trọng nhất thúc đẩy họ ra các thành phố lớn tìm kiếm việc làm là vì để nâng cao thu nhập, ở quê khó khăn trong tìm kiếm việc làm. Khi ra thành phố làm việc, thanh niên nông thôn thể hiện rất rõ mong muốn được đào tạo nghề nghiệp cũng như có vốn, đất đai để phát triển sản xuất, làm giàu trên chính mảnh đất nơi mình được sinh ra. Có thể nói, mong muốn được gắn bó, làm việc ngay trên quê hương là một trong những nội dung quan trọng, là động lực thúc đẩy thanh niên nông thôn vươn lên xây dựng nông thôn mới hiện nay. Đây chính là điểm sáng, nét tích cực trong bức tranh có phần ảm đạm về thực trạng cuộc sống và công việc theo thời vụ của thanh niên nông thôn tại các thành phố. Đây cũng là tiền đề quan trọng để những chính sách hỗ trợ thanh niên nông thôn và xây dựng nông thôn mới được thực hiện một cách đúng đắn và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Kim Thắng, *Phân tích tổng quan về một số khía cạnh kinh tế - xã hội và hệ quả của di dân nông thôn - đô thị trong thời kỳ đổi mới*, Viện Xã hội học, 1997.
2. Đỗ Thị Thanh Hồng, *Thực trạng quản lý người nhập cư tự do trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Viện Xã hội học, 2001.
3. Lê Hanh Thông, *Di dân tự do trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ - thực trạng và giải pháp, đề tài cấp bộ*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
4. *Lao động di cư: Xu thế tất yếu và hệ lụy cần giải quyết*, Báo Lao động (30/7/2010), <http://laodong.com.vn/tintuc/xuthetatyevuהלuycanduocgiaiquyet/7491>.
5. *Đời sống của người trẻ nhập cư ở các đô thị ra sao?* Báo Sinh viên (22/12/2010), <http://www.svvn.vn/vn/news/thoisu/2957.svvn>.
6. Trần Thị Minh Đức, *Di cư lao động từ nông thôn ra thành phố: Những khía cạnh tâm lý xã hội ở người Phụ nữ bán rong*, Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Niên giám thống kê 2010, Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê.
8. Báo điện tử Vietnamnet.vn ngày 28/6/2009.
9. Báo điện tử Sinh viên Việt Nam, svvn.vn.